

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **149/2023/HS-ST**
Ngày: 21-11-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Minh,

Ông Tạ Công Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bé Thị Huệ - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 136/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Võ Tấn L (tên gọi Khc là Bảo), Giới tính: nam; Sinh ngày 09 tháng 10 năm 1993, tại tỉnh Tiền Giang. Nơi cư trú: Tổ X, ấp T, xã TH, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn B và bà Nguyễn Thị T.

Về nhân thân: Bị cáo có một người anh sinh năm 1992. Vợ là Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh năm 1988 (đã ly thân), có 02 con lớn nhất sinh năm 2014 và nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án: 01 tiền án năm 2022 tội trộm cắp tài sản, xử phạt 01 năm tù, ra tù ngày 10/5/2023; Tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ ngày 16/8/2023, tạm giam 19/8/2023.

Có mặt bị cáo.

* *Bị hại*: Công ty TNHH MTV Xây dựng M&E Thương mại Phan L1.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đình T - Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở: Số L, Phường X, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lý Kim H, sinh năm 1997 (Xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn F, xã L, huyện C, tỉnh BRVT.

Chỗ ở hiện tại: Số G đường V, Đh, DA, tỉnh BD.

* *Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan*:

1. Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Trú tại: Ấp TT, xã THĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

2. Võ Tân T, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Trú tại: ấp TT, xã TH, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

* *Người làm chứng*: Nguyễn Anh Kh1, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Trú tại: Ấp TT, xã THĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 14/8/2023, Võ Tấn L điều khiển xe mô tô 02 bánh biển số 63B3-217.59 từ nhà tại ấp Tân Thuận, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đến công trình xây dựng Giáo xứ Ba Giồng – Giáo phận Mỹ Tho tại ấp Tân Quới, xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang do Công ty TNHH MTV Xây dựng M&E Thương mại Phan L1 làm chủ thầu xây dựng rồi lén lút lấy trộm 73 thanh sắt hình chữ U để lên xe chở đến vừa phế liệu của anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1975, nơi thường trú: ấp Tân Thuận, xã Tân Hội Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang bán được số tiền khoảng 600.000 đồng. Đến khoảng 12 giờ ngày 16/8/2023, Võ Tấn L tiếp tục điều khiển xe mô tô nêu trên đến công trình xây dựng Giáo xứ Ba Giồng – Giáo phận Mỹ Tho lấy trộm 18 thanh sắt hình chữ L đem đến vừa phế liệu của anh Kh bán được số tiền 1.070.000 đồng. Anh Lý Kim H là người phụ trách công trình xây dựng Giáo xứ Ba Giồng - Giáo phận Mỹ Tho phát hiện mất số sắt nêu trên nên trình báo Công an xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Vật chứng thu giữ, xử lý:

- 73 (bảy mươi ba) thanh sắt Hoà Phát CB400 D12, hình chữ U, chiều dài 01 thanh là 1,62m, tổng chiều dài 73 thanh là 118,26m; 18 (mười tám) thanh sắt Hoà Phát CB400 D20, hình chữ L, chiều dài 01 thanh là 2,53m, tổng chiều dài 18 thanh là 63,54m là tài sản của Công ty TNHH MTV xây dựng M&E thương mại Phan L1. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Lý Kim H là đại diện uỷ quyền của Công ty xong.

- 01 xe mô tô hai bánh biển số 63B3-217.59 do anh Võ Tân T, sinh năm 1992, nơi thường trú: ấp Tân Thuận, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đứng tên chủ sở hữu cho Võ Tấn L mượn để đi làm, việc L dùng xe này để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản anh T không biết nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Tài xong.

- Tiền Việt Nam đồng: 570.000 đồng, đây là tiền bị cáo L có được từ việc bán tài sản trộm cắp. Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành ra quyết định chuyển vật chứng này đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tiếp tục tạm giữ, chờ xử lý.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 120/KL-HĐĐG ngày 17/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang kết luận: 73 (bảy mươi ba) thanh sắt Hoà Phát CB400D12, hình chữ U, chiều dài một thanh là 1,62m, tổng chiều dài 73 thanh là 118,26m có giá trị 1.552.137 đồng; 18 (mười tám) thanh sắt Hoà Phát CB400D20, hình chữ L chiều dài một thanh là 2,53m, tổng chiều dài 18 thanh là 65,54m có giá trị là 2.347.721 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 3.899.858 đồng.

Theo Cáo trạng số 145/CT-VKSCT ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã truy tố bị cáo Võ Tấn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

** Tại phiên tòa:*

- Bị cáo Võ Tấn L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Võ Tấn L phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173; điểm s khoản Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 32, 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo L từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Về xử lý vật chứng, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xử lý:

+ Số tiền Việt Nam đồng 570.000 đồng là tiền phạm tội mà có đề nghị tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

+ Vật chứng là xe mô tô biển số 63B3-217 của anh Võ Tân T, sinh năm 1992, nơi thường trú: ấp Tân Thuận, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã xử lý trong quá trình điều tra nên không đặt ra xem xét.

+ Vật chứng bị cáo trộm đã trả lại cho bị hại nhận đủ, bị hại không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Ăn năn hối cải về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có điều kiện lo cho con và cha mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, những người tham gia tố tụng Khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại và những người có quyền L và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Lời khai của bị cáo Võ Tấn L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người đại diện hợp pháp bị hại, những người

có quyền L và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với biên bản Khm nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ Khc có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Võ Tấn L do cần tiền tiêu xài nên đã L dụng sự sơ hở của người quản lý tài sản nơi bị cáo làm việc để trộm cắp tài sản. Cụ thể, vào ngày 14/8/2023 khoảng 12 giờ là lúc mọi người nghỉ trưa không người trông coi, bị cáo lén lút lấy trộm 73 cây sắt hình chữ U đem đi bán, trị giá tài sản theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản là 1.552.137 đồng. Vào khoảng 12 giờ này 16/8/2023 bị cáo tiếp tục lấy 18 cây sắt hình chữ L trị giá 2.347.721 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Võ Tấn L đã vi phạm khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã truy tố bị cáo Võ Tấn L về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi của bị cáo: Bị cáo nhận thức hành vi chiếm đoạt tài sản của người Khc là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, trực tiếp xâm phạm tài sản của người Khc được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang lo lắng, là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích mà vẫn tiếp tục phạm tội mới chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật. Do đó cần phải có hình phạt tương xứng, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo.

[5.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới nên thuộc trường hợp tái phạm theo qui định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo khi

quyết định hình phạt.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại đủ tài sản bị trộm, không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Tiền Việt Nam đồng: 570.000 đồng, đây là tiền bị cáo L có được từ việc bán tài sản trộm cắp nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Đối với anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1975 là người mua các thanh sắt của bị cáo trộm cắp. Tuy nhiên, anh Kh không biết và bị cáo L không nói đây là tài sản do phạm tội mà có nên không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Tiêu thụ tài sản do người Khc phạm tội mà có” đối với anh Kh.

[9] Xét đề nghị truy tố của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo L là có căn cứ và phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[10] Về án phí: Bị cáo Võ Tấn L phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[11] Về quyền Khng cáo: Bị cáo Võ Tấn L có quyền Khng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại có quyền Khng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ; người có quyền L và nghĩa vụ liên quan có quyền Khng cáo phần liên quan đến quyền L của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Võ Tấn L** phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo qui định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 32, 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Tấn L **01 năm 06 tháng tù** (một năm sáu tháng).

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/8/2023.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; điểm b khoản

2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền Việt Nam đồng: 570.000 đồng (Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 31/10/2023 bên giao là Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Châu Thành, Tiền Giang với bên nhận là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tiền Giang).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016, buộc bị cáo Võ Tấn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền Khng cáo: Căn cứ vào Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Bị cáo Võ Tấn L có quyền Khng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

- Bị hại Công ty TNHH MTV Xây dựng M&E Thương mại Phan L1 có quyền Khng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật;

- Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan có quyền Khng cáo phần bản án có liên quan đến quyền L của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CA huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Tiên

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Tiên

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
	<p data-bbox="1034 1621 1321 1664">Nguyễn Thị Mỹ Tiên</p>

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CA huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo, các bị hại, người liên quan;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA
Mai Thị Đào Oanh**

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu Khc tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi Khc (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy

định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền L cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền L của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền L cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan,

tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)